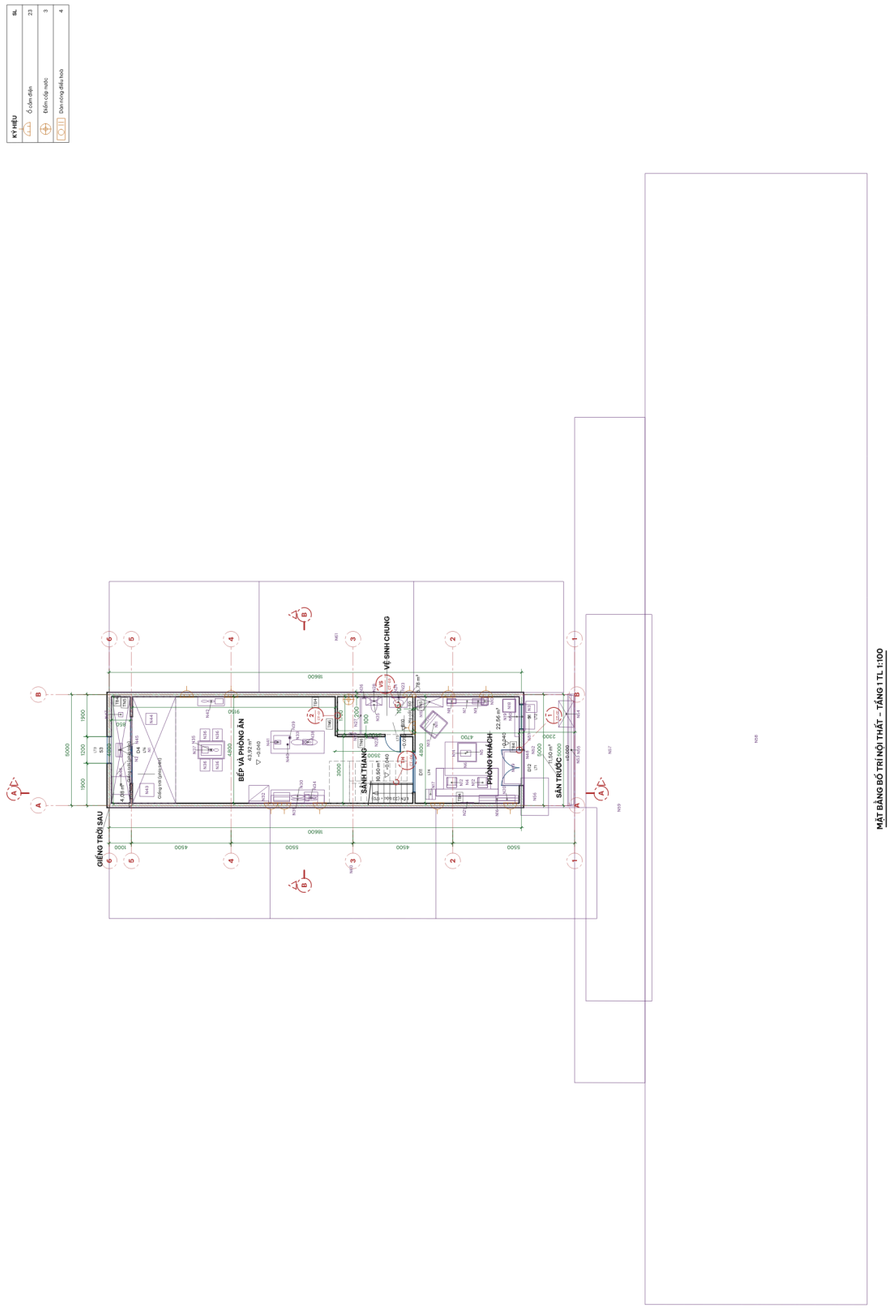
Kiến Trúc Việt

Hồ sơ minh hoạ – nhà phố 5 × 21 m

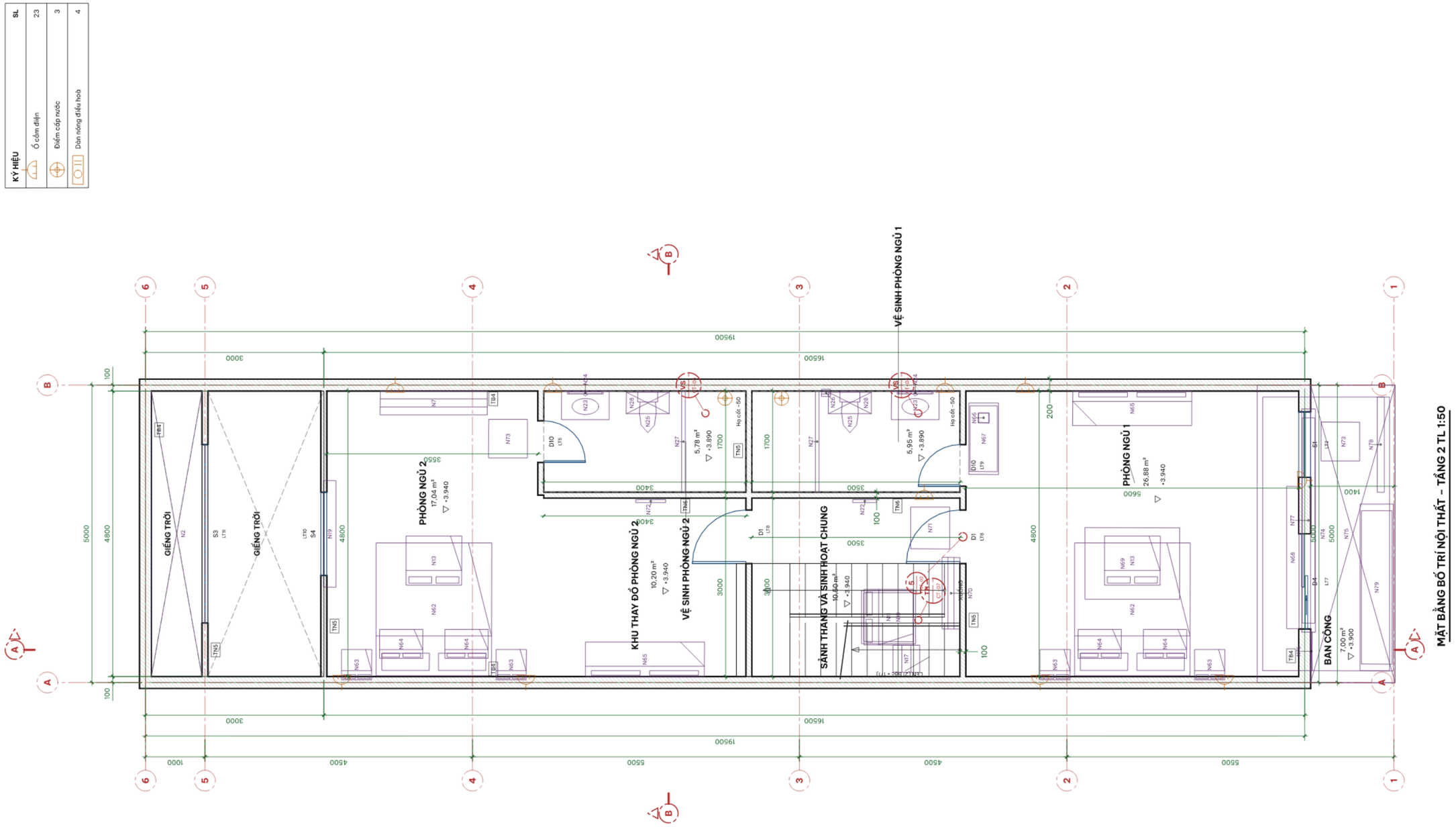
Hai tầng và tum, phong cách tân cổ điển. Một mô hình: ảnh nội thất, bộ hồ sơ, khối lượng và dự toán.

Mặt bằng bố trí nội thất tầng 1



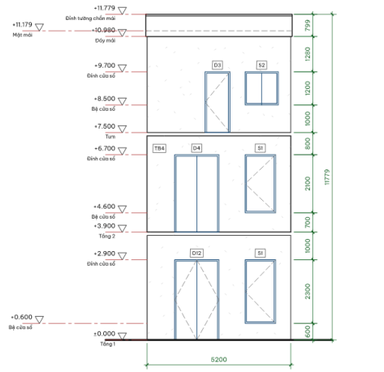
Tài liệu minh họa, không dùng thi công hay xin phép.

Mặt bằng bố trí nội thất tầng 2



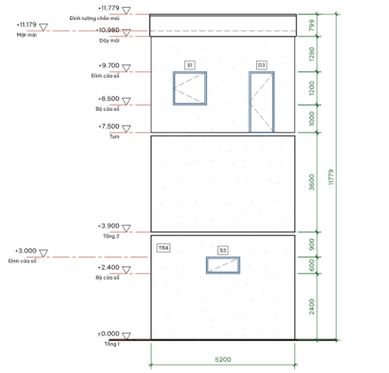
Hồ sơ trình bày, không dùng thi công hay xin phép.

Mặt đứng



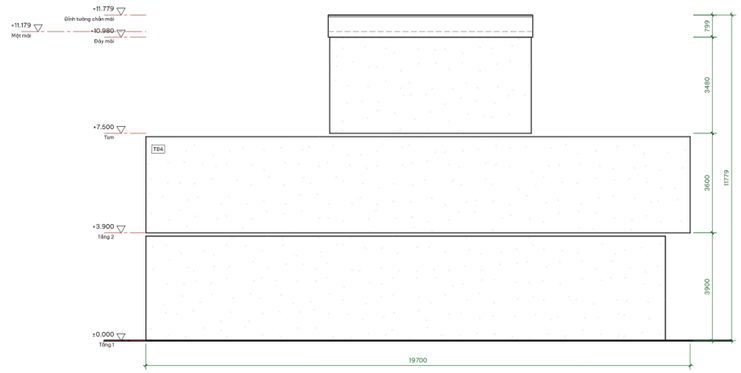
TB4: Tường gạch 200 hoàn thiện (gạch 170, trát hai mặt). Mặt ngoài: Vữa trát xi măng.
Mt: Mái bằng, mái bằng bê tông chống thấm. Lớp trên cùng: Gạch chống nóng.

MẶT ĐỨNG CHÍNH (nhìn theo +Y) TL 1:100



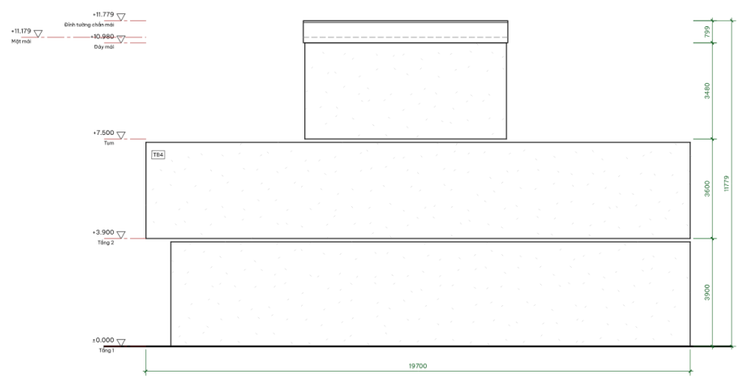
TB4: Tường gạch 200 hoàn thiện (gạch 170, trát hai mặt). Mặt ngoài: Vữa trát xi măng.
Mt: Mái bằng, mái bằng bê tông chống thấm. Lớp trên cùng: Gạch chống nóng.

MẶT ĐỨNG SAU (nhìn theo -Y) TL 1:100



TB4: Tường gạch 200 hoàn thiện (gạch 170, trát hai mặt). Mặt ngoài: Vữa trát xi măng.
Mt: Mái bằng, mái bằng bê tông chống thấm. Lớp trên cùng: Gạch chống nóng.

MẶT ĐỨNG BÊN TRÁI (nhìn theo +X) TL 1:100

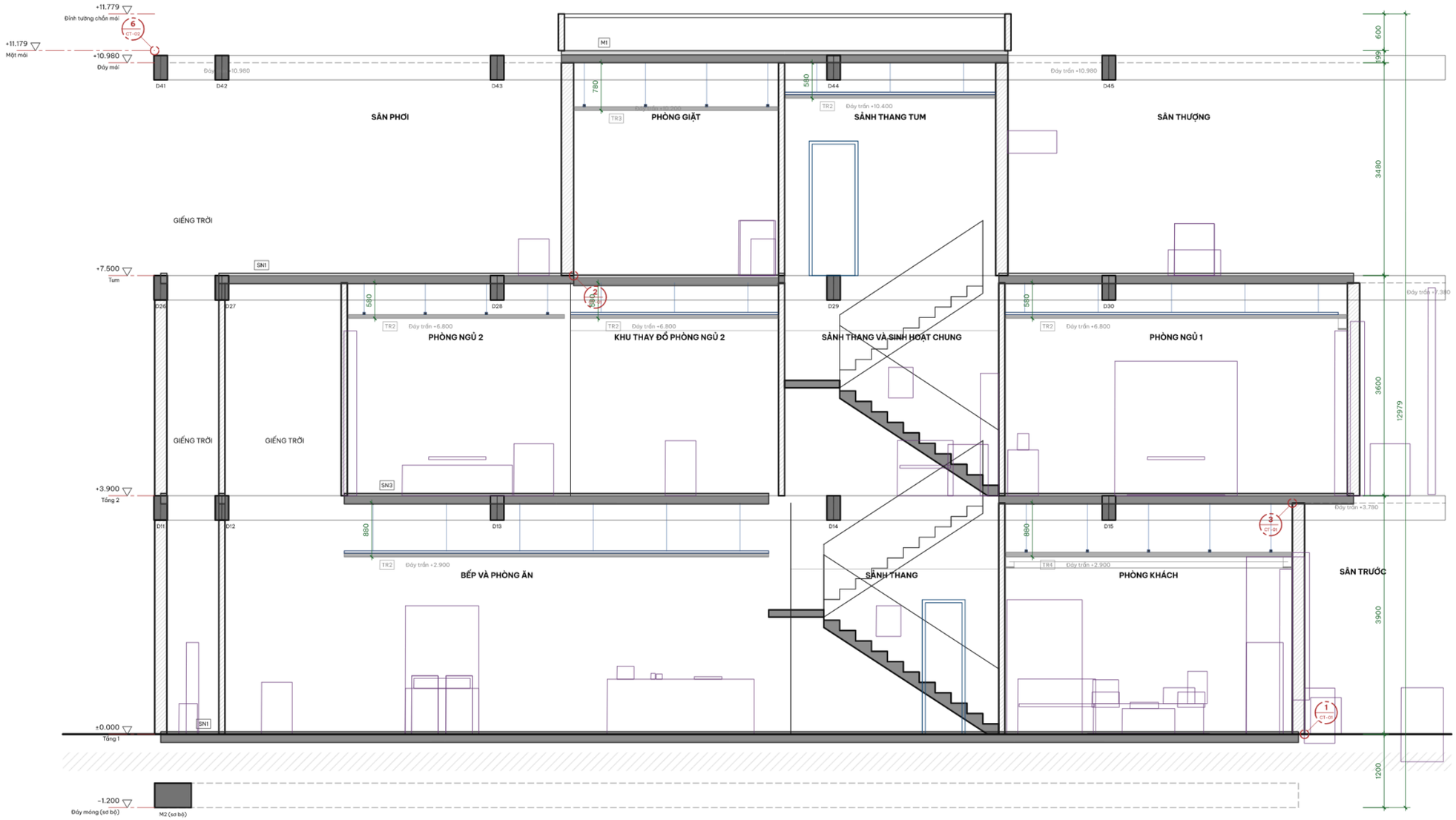


TB4: Tường gạch 200 hoàn thiện (gạch 170, trát hai mặt). Mặt ngoài: Vữa trát xi măng.
Mt: Mái bằng, mái bằng bê tông chống thấm. Lớp trên cùng: Gạch chống nóng.

MẶT ĐỨNG BÊN PHẢI (nhìn theo -X) TL 1:100

Hồ sơ trình bày, không dùng thi công hay xin phép.

Mặt cắt A-A

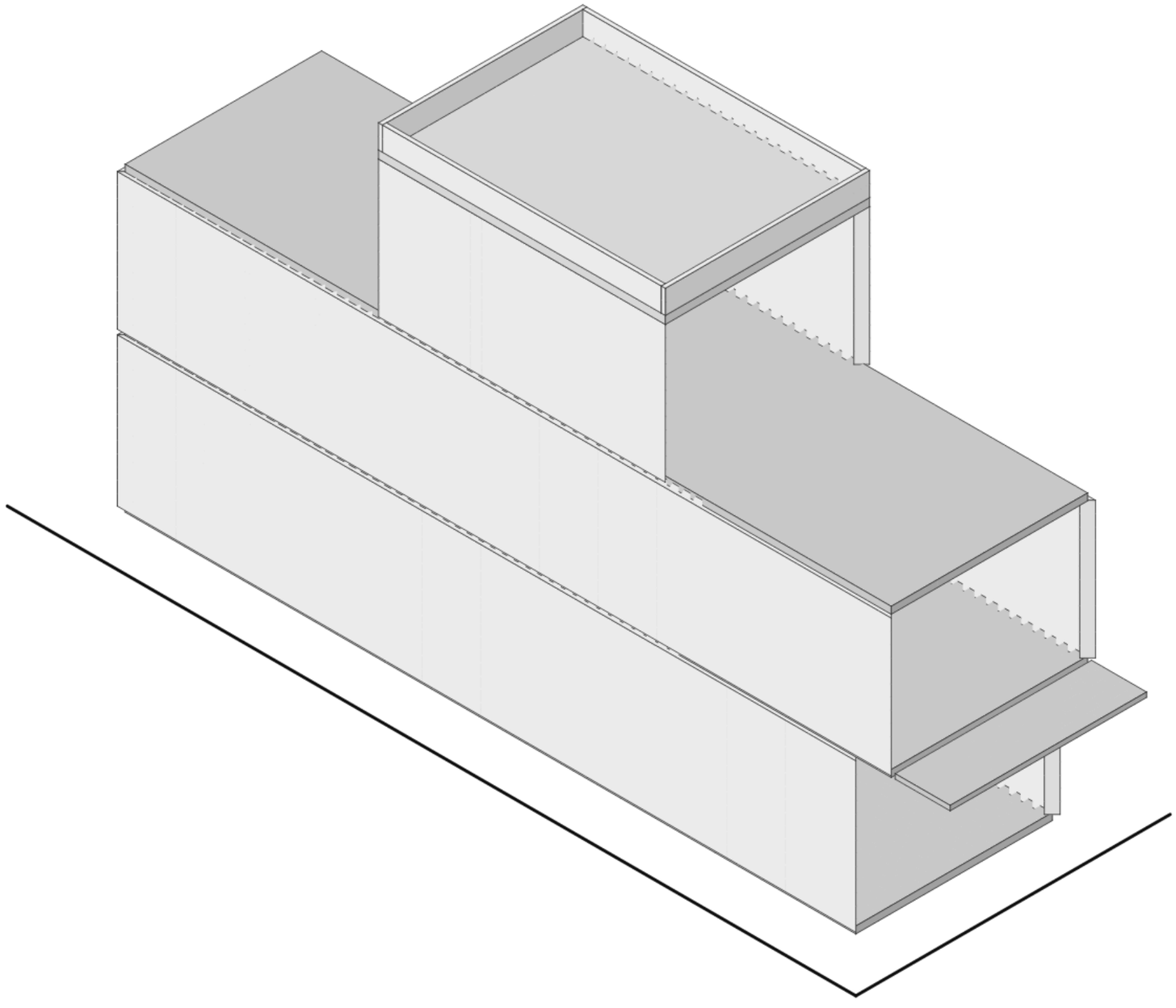


SN1: Sàn bê tông 120 lát gạch, dày 175 mm: Gạch ceramic lát sàn 10 · Vữa lót xi măng 30 · Bê tông cốt thép 120 · Vữa trát trần 15 (mm, từ trên xuống)
TR4: Trần thạch cao hai lớp tấm, dày 77 mm: Khung xương thép mạ kẽm 50 · Tấm thạch cao tiêu chuẩn 12.5 · Tấm thạch cao tiêu chuẩn 12.5 · Bả matit và sơn nước 2 (mm, từ trên xuống)
TR2: Trần thạch cao khung xương chìm, dày 61 mm: Khung xương thép mạ kẽm 50 · Tấm thạch cao tiêu chuẩn 9 · Bả matit và sơn nước 2 (mm, từ trên xuống)
SN3: Sàn bê tông 120 lát sàn gỗ, dày 175 mm: Sàn gỗ công nghiệp 12 · Xốp lót sàn 3 · Vữa cán nền xi măng 25 · Bê tông cốt thép 120 · Vữa trát trần 15 (mm, từ trên xuống)
TR3: Trần thạch cao chống ẩm (khu vệ sinh), dày 61 mm: Khung xương thép mạ kẽm 50 · Tấm thạch cao chống ẩm 9 · Bả matit và sơn chống ẩm 2 (mm, từ trên xuống)
M1: Mái bằng, mái bằng bê tông chống thấm, dày 199 mm: Gạch chống nóng 20 · Vữa tạo dốc xi măng 40 · Màng chống thấm bitum 4 · Bê tông cốt thép 120 · Vữa trát trần 15 (mm, từ trên xuống)
Sơ bộ, chờ kỹ sư kết cấu tính và ký
Kết cấu SƠ BỘ: vị trí và tiết diện dầm, cột, móng để giao kỹ sư kết cấu; chưa tính nội lực, không vẽ thép.

MẶT CẮT A-A TL 1:50

Hồ sơ trình bày, không dùng thi công hay xin phép.

Phối cảnh trục đo toàn nhà



Hình trục đo dựng từ mô hình (tường ngoài, sàn, mái, lỗ cửa), nhìn từ góc trước bên trái. Không phải ảnh render, không thể hiện vật liệu.

PHỐI CẢNH TRỤC ĐO TOÀN NHÀ TL 1:100 (trục đo)

tổ sơ trình bày, không dùng thi công hay xin phép.

Ảnh nội thất dựng từ mô hình



Phòng khách tầng 1



Phòng ngủ 1, tầng 2



Sinh hoạt chung, tầng 2

Ảnh dựng bằng ánh sáng vật lý từ chính mô hình; đồ trong ảnh là đồ trong bảng khối lượng.

Tóm tắt khối lượng và dự toán

Bảng giá thử A, không phải báo giá: số tròn để thử, không phải giá thị trường, không phải báo giá.

Nhóm	Số dòng	Thành tiền (đ)
Ván (khổ 1220 × 2440)	4	10.560.000
Nẹp dán cạnh	2	1.954.640
Phụ kiện	24	847.000
Mặt đá	3	7.675.000
Thiết bị	6	14.400.000
Công	6	15.000.000
Hạng mục công trình (theo mã dòng)	198	725.831.000
Tổng (0 dòng chưa có giá)	**243**	**776.267.640**

Ván cần mua · 174 tấm · 33 khổ 1220 × 2440

Vật liệu	Dày (mm)	Số tấm	Khổ ván xếp chung
MDF chống ẩm phủ melamine màu trơn	18	30	3
MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	96	18
MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	15	27	2
Ván ép phủ melamine	9	21	10

Bảng cắt tấm (trang 1, 27 / 91 dòng)

Ký hiệu	Tấm	Vật liệu	Dày	Hoàn thiện (mm)	SL
A	Hồi trái	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	482 × 380	2
A	Vách ngăn 1	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	404 × 353	2
A	Vách ngăn 2	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	404 × 353	2
A	Hồi phải	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	482 × 380	2
A	Đáy	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	1764 × 380	2
A	Nóc	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	1800 × 380	2
A	Hậu	Ván ép phủ melamine	9	420 × 1780	2
A	Đế (2 tên)	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	1764 × 60	4
A	Cánh khoang 1	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	437 × 524	2
A	Đợt 1 khoang (2 tên)	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	498 × 342	4
A	Cánh khoang 3	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	437 × 524	2
B	Hồi trái	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	2200 × 560	2
B	Vách ngăn 1	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	2084 × 533	2
B	Hồi phải	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	2200 × 560	2
B	Đáy	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	1964 × 560	2
B	Nóc	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	1964 × 560	2
B	Hậu (2 tên)	Ván ép phủ melamine	9	2100 × 990	4
B	Đế (2 tên)	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	1964 × 80	4
B	Cánh trái khoang 1	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	2117 × 497	2
B	Cánh phải khoang 1	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	2117 × 497	2
B	Đợt trên khoang 1	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	973 × 523	2
B	Đợt cố định khoang 2	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	973 × 533	2
B	Mặt ngăn kéo 1 khoang 2	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	18	997 × 198	2
B	Thành trái ngăn kéo 1 khoang 2	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	15	500 × 163.5	2
B	Thành phải ngăn kéo 1 khoang 2	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	15	500 × 163.5	2
B	Hậu ngăn kéo 1 khoang 2	MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ	15	917 × 163.5	2
B	Đáy ngăn kéo (3 tên)	Ván ép phủ melamine	9	497 × 929	6

Dự toán theo món đồ gỗ

Bảng giá thử A, không phải báo giá.

	Món	Số lần	Ván, nẹp	Phụ kiện	Đá, thiết bị	Công	Cộng (đ)
A	Kệ tivi 1800	2	1.245.717	128.000	0	3.000.000	4.373.717
B	Tủ áo 4 cánh	2	6.666.841	316.000	0	3.000.000	9.982.841
C	Tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi)	1	1.756.732	119.000	7.500.000	1.500.000	10.875.732
D	Tủ bếp trên 3 khoang	1	1.118.255	70.000	0	1.500.000	2.688.255
E	Tủ giày 2 cánh 1000	1	781.824	58.000	0	1.500.000	2.339.824
F	Tủ lavabo treo 800 (mặt đá, chậu, vòi)	3	945.271	156.000	14.575.000	4.500.000	20.176.271

Danh mục tờ đầy đủ · 253 tờ

Bộ có tờ chuẩn nghề và hồ sơ nội thất (253 tờ); bộ thường 132 tờ. Xuất kèm IFC, DXF.

KT-01 Danh mục bản vẽ
KT-02 Ghi chú chung và cấu tạo
KT-03 Phối cảnh trục đo toàn nhà
KT-04 Phối cảnh mặt bằng 3d – tầng 1
KT-05 Phối cảnh mặt bằng 3d – tầng 2
KT-06 Phối cảnh mặt bằng 3d – tum
KT-07 Tổng mặt bằng
KT-08 Mặt bằng bố trí nội thất – tầng 1
KT-09 Mặt bằng bố trí nội thất – tầng 2
KT-10 Mặt bằng bố trí nội thất – tum
KT-11 Mặt bằng kích thước, định vị tường – tầng 1
KT-12 Mặt bằng kích thước, định vị tường – tầng 2
KT-13 Mặt bằng kích thước, định vị tường – tum
KT-14 Mặt bằng định vị cửa – tầng 1
KT-15 Mặt bằng định vị cửa – tầng 2
KT-16 Mặt bằng định vị cửa – tum
KT-17 Mặt bằng mái
KT-18 Mặt đứng
KT-19 Mặt cắt a-a (dọc nhà, qua cầu thang và giếng trời)
KT-20 Mặt cắt b-b (ngang nhà, qua bếp và phòng ăn)
KT-21 Mặt bằng lát sàn – tầng 1
KT-22 Mặt bằng lát sàn – tầng 2
KT-23 Mặt bằng lát sàn – tum
KT-24 Mặt bằng chống thấm – tầng 1
KT-25 Mặt bằng chống thấm – tầng 2
KT-26 Mặt bằng chống thấm – tum
KT-27 Mặt bằng chống thấm – mái
KT-28 Bảng thống kê phòng, cửa theo loại, loại tường, đồ đạc
KT-29 Bảng khối lượng (boq) (1/2)
KT-30 Bảng khối lượng (boq) (2/2)
NT-01 Mặt bằng trần (rcp) – tầng 1
NT-02 Mặt bằng trần (rcp) – tầng 2
NT-03 Mặt bằng trần (rcp) – tum
NT-04 Mặt bằng khung xương trần – tầng 1
NT-05 Mặt bằng khung xương trần – tầng 2
NT-06 Mặt bằng khung xương trần – tum
NT-07 Mặt bằng hoàn thiện sàn – tầng 1
NT-08 Mặt bằng hoàn thiện sàn – tầng 2
NT-09 Mặt bằng hoàn thiện sàn – tum
NT-10 Bảng hoàn thiện theo phòng
NT-11 Mặt đứng nội thất – sân trước (tầng 1)
NT-12 Mặt đứng nội thất – phòng khách (tầng 1)
NT-13 Mặt đứng nội thất – sảnh thang (tầng 1)
NT-14 Mặt đứng nội thất – vệ sinh chung (tầng 1)
NT-15 Mặt đứng nội thất – bếp và phòng ăn (tầng 1)
NT-16 Mặt đứng nội thất – giếng trời sau (tầng 1)
NT-17 Mặt đứng nội thất – ban công (tầng 2)
NT-18 Mặt đứng nội thất – phòng ngủ 1 (tầng 2)
NT-19 Mặt đứng nội thất – vệ sinh phòng ngủ 1 (tầng 2)
NT-20 Mặt đứng nội thất – sảnh thang và sinh hoạt chung (tầng 2)
NT-21 Mặt đứng nội thất – khu thay đồ phòng ngủ 2 (tầng 2)
NT-22 Mặt đứng nội thất – vệ sinh phòng ngủ 2 (tầng 2)
DN-01 Mặt bằng điện chiếu sáng – tầng 1
DN-02 Mặt bằng điện chiếu sáng – tầng 2
DN-03 Mặt bằng điện chiếu sáng – tum
DN-04 Bảng mạch đèn
KC-01 Mặt bằng kết cấu sơ bộ – tầng 1
KC-02 Mặt bằng kết cấu sơ bộ – tầng 2
KC-03 Mặt bằng kết cấu sơ bộ – tum
KC-04 Bảng lanh tô (sơ bộ, chờ kỹ sư)
CT-01 Chi tiết cấu tạo – ct1, ct2, ct3, ct4
CT-02 Chi tiết cấu tạo – ct5, ct6
CT-03 Chi tiết vệ sinh – vệ sinh chung (tầng 1)
CT-04 Chi tiết vệ sinh – vệ sinh phòng ngủ 1 (tầng 2)
CT-05 Chi tiết vệ sinh – vệ sinh phòng ngủ 2 (tầng 2)
CT-06 Chi tiết thang – tầng 1 lên tầng 2
CT-07 Chi tiết thang – tầng 2 lên tum
CT-08 Chi tiết cửa – d12, d11, d10, d4, d4, d1
CT-09 Chi tiết cửa – d3, d1, d1, s1, s3, s1
CT-10 Chi tiết cửa – s4, s3, s2, s1
CT-11 Chi tiết mái – tường chắn mái, phễu thu
CT-12 Chi tiết tam cấp
CT-13 Chi tiết ban công, lan can
CTR-01 Mặt bằng chia tấm trần – tầng 1
CTR-02 Mặt bằng chia tấm trần – tầng 2
CTR-03 Mặt bằng chia tấm trần – tum
CTR-04 Bảng khung xương trần (bảng cắt thanh)
CTR-05 Sơ đồ cắt dải led và vị trí nguồn – tầng 1
CTR-06 Sơ đồ cắt dải led và vị trí nguồn – tầng 2
NTT-01 Danh mục tờ nội thất (1/5)
NTT-02 Danh mục tờ nội thất (2/5)
NTT-03 Danh mục tờ nội thất (3/5)
NTT-04 Danh mục tờ nội thất (4/5)
NTT-05 Danh mục tờ nội thất (5/5)
NTT-06 Bảng thống kê đồ nội thất theo phòng (1/5)
NTT-07 Bảng thống kê đồ nội thất theo phòng (2/5)
NTT-08 Bảng thống kê đồ nội thất theo phòng (3/5)
NTT-09 Bảng thống kê đồ nội thất theo phòng (4/5)
NTT-10 Bảng thống kê đồ nội thất theo phòng (5/5)
NTT-11 Diện tường – phòng khách (tầng 1) – tường phải (t1_phai)
NTT-12 Diện tường – phòng khách (tầng 1) – tường trái (t1_trai)
NTT-13 Diện tường – vệ sinh chung (tầng 1) – tường phải (t1_phai)
NTT-14 Diện tường – bếp và phòng ăn (tầng 1) – tường trái (t1_trai)
NTT-15 Diện tường – phòng ngủ 1 (tầng 2) – tường phải (t2_phai)
NTT-16 Diện tường – vệ sinh phòng ngủ 1 (tầng 2) – tường phải (t2_phai)
NTT-17 Diện tường – khu thay đồ phòng ngủ 2 (tầng 2) – tường trái (t2_trai)
NTT-18 Diện tường – phòng ngủ 2 (tầng 2) – tường phải (t2_phai)
NTT-19 Diện tường – vệ sinh phòng ngủ 2 (tầng 2) – tường phải (t2_phai)
NTT-20 Tóm tắt đồ gỗ – kệ tivi 1800 (1/2)
NTT-21 Tóm tắt đồ gỗ – kệ tivi 1800 (2/2)
NTT-22 Tóm tắt đồ gỗ – tủ áo 4 cánh (1/2)
NTT-23 Tóm tắt đồ gỗ – tủ áo 4 cánh (2/2)
NTT-24 Tóm tắt đồ gỗ – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi) (1/2)
NTT-25 Tóm tắt đồ gỗ – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi) (2/2)
NTT-26 Tóm tắt đồ gỗ – tủ bếp trên 3 khoang (1/2)
NTT-27 Tóm tắt đồ gỗ – tủ bếp trên 3 khoang (2/2)
NTT-28 Tóm tắt đồ gỗ – tủ giày 2 cánh 1000 (1/2)
NTT-29 Tóm tắt đồ gỗ – tủ giày 2 cánh 1000 (2/2)
NTT-30 Tóm tắt đồ gỗ – tủ lavabo treo 800 (mặt đá, chậu, vòi) (1/2)
NTT-31 Tóm tắt đồ gỗ – tủ lavabo treo 800 (mặt đá, chậu, vòi) (2/2)
NTT-32 Bổ đồ rời – chậu cây nhỏ 1
NTT-33 Bổ đồ rời – sofa cong bọc nhung 3 chỗ
NTT-34 Bổ đồ rời – bàn trà tròn thấp
NTT-35 Bổ đồ rời – thảm phòng khách
NTT-36 Bổ đồ rời – bình gốm trang trí (đặt bàn)
NTT-37 Bổ đồ rời – bộ sách trang trí (đặt bàn, kệ)
NTT-38 Bổ đồ rời – cây nhỏ để bàn (chậu gốm)
NTT-39 Bổ đồ rời – ghế bành bọc bouclé
NTT-40 Bổ đồ rời – gối tựa sofa
NTT-41 Bổ đồ rời – chăn vắt gấp (len đan)
NTT-42 Bổ đồ rời – chồng sách 3 cuốn (gáy lạnh)
NTT-43 Bổ đồ rời – tủ rượu cửa kính khung đồng có led
NTT-44 Bổ đồ rời – kệ ô trang trí có led (1,6 × 2,1 m)
NTT-45 Bổ đồ rời – đèn sàn chao vải / giấy
NTT-46 Bổ đồ rời – cây bàng singapore (chậu gốm)
NTT-47 Bổ đồ rời – rèm voan hai lớp (voan + vải chắn sáng)
NTT-48 Bổ đồ rời – tranh khung lớn
NTT-49 Bổ đồ rời – tranh khung nhỏ
NTT-50 Bổ đồ rời – gương led vòm bán nguyệt 600 × 900
NTT-51 Bổ đồ rời – bồn cầu 1 khối
NTT-52 Bổ đồ rời – vách tắm kính cường lực 10 mm, cửa mở (cạnh 1,7 m)
NTT-53 Bổ đồ rời – bàn đảo bếp mặt đá 2,4 m
NTT-54 Bổ đồ rời – bàn ăn 4 người
NTT-55 Bổ đồ rời – ghế ăn gỗ sơn trắng
NTT-56 Bổ đồ rời – bộ ấm trà sứ
NTT-57 Bổ đồ rời – thớt gỗ
NTT-58 Bổ đồ rời – quả táo
NTT-59 Bổ đồ rời – quả chanh vàng
NTT-60 Bổ đồ rời – bình sứ vẽ hoa
NTT-61 Bổ đồ rời – cây trầu bà leo chậu đất nung (lớn)
NTT-62 Bổ đồ rời – ốp đá granite chân tường, trụ ốp travertine
NTT-63 Bổ đồ rời – cửa đi chính nhôm hệ kính cường lực, hai cánh mở quay, ô kính trên
NTT-64 Bổ đồ rời – cửa sổ nhôm kính tầng 1, bậu đá
NTT-65 Bổ đồ rời – bồn cây xây dưới cửa sổ tầng 1
NTT-66 Bổ đồ rời – lát sân trước gạch đất nung 400 × 400
NTT-67 Bổ đồ rời – cổng thép hộp hai cánh, trụ xây ốp đá
NTT-68 Bổ đồ rời – hàng rào thấp tường xây và nan thép, bồn cây phía trong
NTT-69 Bổ đồ rời – thân đèn trụ cổng (chao mờ)
NTT-70 Bổ đồ rời – bồn cây và cây nhỏ góc sân
NTT-71 Bổ đồ rời – giường 1,8 m đầu giường bọc nệm cao
NTT-72 Bổ đồ rời – tủ đầu giường gỗ sơn
NTT-73 Bổ đồ rời – gối đầu giường 50 × 70
NTT-74 Bổ đồ rời – cây lô hội chậu trắng (để bàn)
NTT-75 Bổ đồ rời – rèm voan hai lớp (voan + vải chắn sáng)
NTT-76 Bổ đồ rời – thảm phòng ngủ
NTT-77 Bổ đồ rời – kệ sách 1m2
NTT-78 Bổ đồ rời – cây môn lá to chậu đất nung (vừa)
NTT-79 Bổ đồ rời – ghế bọc nệm
NTT-80 Bổ đồ rời – viền mép sàn ban công tầng 2
NTT-81 Bổ đồ rời – tai tường hai bên ban công (khung mặt tiền)
NTT-82 Bổ đồ rời – ốp gỗ composite mảng tường tầng 2
NTT-83 Bổ đồ rời – viền khung nhôm quanh cửa ban công và cửa sổ tầng 2
NTT-84 Bổ đồ rời – lam đứng gỗ composite che nắng tầng 2
NTT-85 Bổ đồ rời – bồn cây ban công tầng 2
NTT-86 Bổ đồ rời – mái đua btct trên ban công, viền dày có rãnh chỉ
NTT-87 Bổ đồ rời – mảng gạch bông gió (ô thoáng) mặt tum
NTT-88 Bổ đồ rời – ô văng kính khung thép trên cửa tum
NTT-89 Bổ đồ rời – bồn cây dọc tường chắn sân thượng
NTT-90 Bổ đồ rời – bồn nước inox 1500 l trên mái tum, chân thép
CG-01 Ba hình chiếu – kệ tivi 1800
CG-02 Hình tách rời – kệ tivi 1800
CG-03 Bảng cắt tấm – kệ tivi 1800
CG-04 Bảng phụ kiện – kệ tivi 1800
CG-05 Sơ đồ xếp tấm – kệ tivi 1800
CG-06 Sơ đồ gia công – kệ tivi 1800 (1/4)
CG-07 Sơ đồ gia công – kệ tivi 1800 (2/4)
CG-08 Sơ đồ gia công – kệ tivi 1800 (3/4)
CG-09 Sơ đồ gia công – kệ tivi 1800 (4/4)
CG-10 Ba hình chiếu – tủ áo 4 cánh
CG-11 Hình tách rời – tủ áo 4 cánh
CG-12 Bảng cắt tấm – tủ áo 4 cánh
CG-13 Bảng phụ kiện – tủ áo 4 cánh
CG-14 Sơ đồ xếp tấm – tủ áo 4 cánh (1/3)
CG-15 Sơ đồ xếp tấm – tủ áo 4 cánh (2/3)
CG-16 Sơ đồ xếp tấm – tủ áo 4 cánh (3/3)
CG-17 Sơ đồ gia công – tủ áo 4 cánh (1/10)
CG-18 Sơ đồ gia công – tủ áo 4 cánh (2/10)
CG-19 Sơ đồ gia công – tủ áo 4 cánh (3/10)
CG-20 Sơ đồ gia công – tủ áo 4 cánh (4/10)
CG-21 Sơ đồ gia công – tủ áo 4 cánh (5/10)
CG-22 Sơ đồ gia công – tủ áo 4 cánh (6/10)
CG-23 Sơ đồ gia công – tủ áo 4 cánh (7/10)
CG-24 Sơ đồ gia công – tủ áo 4 cánh (8/10)
CG-25 Sơ đồ gia công – tủ áo 4 cánh (9/10)
CG-26 Sơ đồ gia công – tủ áo 4 cánh (10/10)
CG-27 Ba hình chiếu – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi)
CG-28 Hình tách rời – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi)
CG-29 Bảng cắt tấm – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi)
CG-30 Bảng phụ kiện – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi)
CG-31 Mặt đá – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi)
CG-32 Sơ đồ xếp tấm – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi) (1/2)
CG-33 Sơ đồ xếp tấm – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi) (2/2)
CG-34 Sơ đồ gia công – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi) (1/8)
CG-35 Sơ đồ gia công – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi) (2/8)
CG-36 Sơ đồ gia công – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi) (3/8)
CG-37 Sơ đồ gia công – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi) (4/8)
CG-38 Sơ đồ gia công – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi) (5/8)
CG-39 Sơ đồ gia công – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi) (6/8)
CG-40 Sơ đồ gia công – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi) (7/8)
CG-41 Sơ đồ gia công – tủ bếp dưới 3 khoang (mặt đá, chậu rửa bếp, vòi) (8/8)
CG-42 Ba hình chiếu – tủ bếp trên 3 khoang
CG-43 Hình tách rời – tủ bếp trên 3 khoang
CG-44 Bảng cắt tấm – tủ bếp trên 3 khoang
CG-45 Bảng phụ kiện – tủ bếp trên 3 khoang
CG-46 Sơ đồ xếp tấm – tủ bếp trên 3 khoang
CG-47 Sơ đồ gia công – tủ bếp trên 3 khoang (1/5)
CG-48 Sơ đồ gia công – tủ bếp trên 3 khoang (2/5)
CG-49 Sơ đồ gia công – tủ bếp trên 3 khoang (3/5)
CG-50 Sơ đồ gia công – tủ bếp trên 3 khoang (4/5)
CG-51 Sơ đồ gia công – tủ bếp trên 3 khoang (5/5)
CG-52 Ba hình chiếu – tủ giày 2 cánh 1000
CG-53 Hình tách rời – tủ giày 2 cánh 1000
CG-54 Bảng cắt tấm – tủ giày 2 cánh 1000
CG-55 Bảng phụ kiện – tủ giày 2 cánh 1000
CG-56 Sơ đồ xếp tấm – tủ giày 2 cánh 1000
CG-57 Sơ đồ gia công – tủ giày 2 cánh 1000 (1/3)
CG-58 Sơ đồ gia công – tủ giày 2 cánh 1000 (2/3)
CG-59 Sơ đồ gia công – tủ giày 2 cánh 1000 (3/3)
CG-60 Ba hình chiếu – tủ lavabo treo 800 (mặt đá, chậu, vòi)
CG-61 Hình tách rời – tủ lavabo treo 800 (mặt đá, chậu, vòi)
CG-62 Bảng cắt tấm – tủ lavabo treo 800 (mặt đá, chậu, vòi)
CG-63 Bảng phụ kiện – tủ lavabo treo 800 (mặt đá, chậu, vòi)
CG-64 Mặt đá – tủ lavabo treo 800 (mặt đá, chậu, vòi)
CG-65 Sơ đồ xếp tấm – tủ lavabo treo 800 (mặt đá, chậu, vòi)
CG-66 Sơ đồ gia công – tủ lavabo treo 800 (mặt đá, chậu, vòi) (1/3)
CG-67 Sơ đồ gia công – tủ lavabo treo 800 (mặt đá, chậu, vòi) (2/3)
CG-68 Sơ đồ gia công – tủ lavabo treo 800 (mặt đá, chậu, vòi) (3/3)
CG-69 Bảng cắt gộp (1/3)
CG-70 Bảng cắt gộp (2/3)
CG-71 Bảng cắt gộp (3/3)
CG-72 Ván cần mua
CG-73 Bảng mặt đá
CG-74 Tổng phụ kiện gộp
CG-75 Sơ đồ xếp tấm chung (1/9)
CG-76 Sơ đồ xếp tấm chung (2/9)
CG-77 Sơ đồ xếp tấm chung (3/9)
CG-78 Sơ đồ xếp tấm chung (4/9)
CG-79 Sơ đồ xếp tấm chung (5/9)
CG-80 Sơ đồ xếp tấm chung (6/9)
CG-81 Sơ đồ xếp tấm chung (7/9)
CG-82 Sơ đồ xếp tấm chung (8/9)
CG-83 Sơ đồ xếp tấm chung (9/9)
BC-01 Báo cáo kiểm tra mô hình

Chúng tôi muốn nghe góp ý thật từ người làm nghề: chỗ nào dùng được, chỗ nào chưa đúng, cần thêm gì. Nếu bạn muốn hợp tác (thử trên công trình thật, góp chuẩn hồ sơ, cùng phát triển tính năng), hãy đề xuất hình thức phù hợp với bạn.

Hồ sơ là phương án minh hoạ: cần kiến trúc sư, kỹ sư có chứng chỉ kiểm và ký trước khi thi công hay xin phép. Kết cấu, điện nước chỉ đặt sơ bộ để giao kỹ sư.